

Thông tin tuyển học sinh

KOBE TOYO Japanese College

神戸東洋日本語学院

Học viện Nhật ngữ KOBE TOYO

財団法人日本語教育振興協会認定校

Được công nhận bởi hiệp hội xúc tiến đào tạo tiếng Nhật

〒650-0012 神戸市中央区北長狭通4-5-7

4-5-7 Kitanagasaki, Chuo-ku, Kobe-shi, Hyogo, 650-0012 JAPAN

TEL +81 (0) 78-333-1127

FAX +81 (0) 78-333-1158

URL <http://www.jp-college.com>

Facebook <https://www.facebook.com/nhatngukobetoyo>

E-mail info@jp-college.com

Thông tin tuyển sinh

1. Khóa học /Số lượng tuyển sinh /Thời gian học tập

Khoá học	Số lượng tuyển sinh	Thời gian học tập	Thời kỳ nhập học
Khoá Xuân I	10 người	1 năm	Tháng 4
Khoá Xuân II	220 người	2 năm	Tháng 4
Khoá Hè I	10 người	1 năm	Tháng 7
Khoá Hè II	40 người	1 năm 9 tháng	Tháng 7
Khoá Thu I	10 người	1 năm	Tháng 10
Khoá Thu II	180 người	1 năm 6 tháng	Tháng 10
Khoá Đông I	10 người	1 năm	Tháng 1
Khoá Đông II	20 người	1 năm 3 tháng	Tháng 1
Khóa Cấp tốc – Xuân I	10 người	1 năm	Tháng 4
Khóa Cấp tốc – Thu I	10 người	1 năm	Tháng 10
Khóa Cấp tốc – Xuân II	10 người	2 năm	Tháng 4
Khóa Cấp tốc – Thu II	10 người	2 năm	Tháng 10

2. Các kỳ nhập học

Tháng 4 (Khoá Xuân I、II、Cấp tốc – Xuân I、II)、Tháng 7 (Khoá Hè I、II)

Tháng 10 (Khoá Thu I、II、Cấp tốc – Thu I、II)、Tháng 1 (Khoá Đông I、II)

3. Phí xét tuyển

30,000 yên (Nộp khi gửi hồ sơ, áp dụng cho tất cả các khóa học)

Hãy chuyển phí xét tuyển qua ngân hàng.

※Nhà trường không nhận phí xét tuyển bằng tiền mặt.

※Nhà trường không trả lại phí xét tuyển với bất cứ lý do nào.

〈振込先/ Tài khoản ngân hàng〉

三井住友銀行 神戸営業部 普通

受取人 一般社団法人 神戸東洋医療学院

口座番号 8894354

銀行住所 〒650-8660 兵庫県神戸市中央区浪花町 56 神戸朝日ビル

Sumitomo Mitsui Banking Corporation Kobe Main Office

To: Kobe Toyo Medical School

Account number: 8894354

Swift Code: SMBCJPJT

Bank Address: Kobe Asahi Building 56Naniwa-machi,Chuo-Ku, Kobe-shi, Hyogo, 650-8660
JAPAN

4. Điều kiện nộp hồ sơ nhập học

① Những người đã hoặc dự kiến sẽ hoàn thành chương trình giáo dục trình độ trung học phổ thông 12 năm hoặc tương đương tại các quốc gia khác.

② Không giới hạn tuổi tác.

Hồ sơ xin nhập học

<<Tất cả các giấy tờ đều cần bản dịch tiếng Nhật>>

※ Lưu ý: Hồ sơ của người bảo trợ tài chính có thể khác tùy theo quốc gia.

※ Tùy trường hợp, có khả năng trường sẽ yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung hồ sơ.

※ Trước khi gửi bản gốc, hãy gửi bản copy qua e-mail hoặc Fax để nhà trường xác nhận nội dung.

※ 1/4~4/4 là hồ sơ do trường quy định.

A Hồ sơ của người nộp đơn xin nhập học

	Số lượng	Ghi chú
1. Hồ sơ Xin nhập học Trường Nhật ngữ KOBE TOYO (trang 1-2/4)	1	
2. Lý do nhập học và dự định sau khi tốt nghiệp (trang 3/4)	1	
Bản dịch tiếng Nhật	1	
3. Bản gốc giấy chứng nhận quá trình học tiếng Nhật		
4. Giấy chứng nhận tốt nghiệp của bậc học cao nhất.	1	
Bản dịch tiếng Nhật	1	
5. Bản copy hộ chiếu (trang có ảnh · số hộ chiếu · ngày tháng năm cấp · thời hạn có hiệu lực · nơi cấp) hoặc bản copy căn cước công dân	1	
6. Ảnh chứng minh (3cm×4cm · không đội mũ · chụp trong vòng 3 tháng trở lại)	6	
7. Bản copy giấy chứng nhận đã trả phí xét hồ sơ. Tổng cộng 35 000 yên (gồm phí xét hồ sơ 30 000 yên và lệ phí chuyển tiền quốc tế 5 000 yên)	1	

B Hồ sơ của người bảo trợ tài chính.

	Số lượng	Ghi chú
8. Đơn đảm bảo chu cấp chi phí du học (4/4)	1	
Bản dịch tiếng Nhật	1	
9. Giấy chứng nhận nghề nghiệp và thu nhập	1	
Bản dịch tiếng Nhật	1	
10. Bản gốc giấy chứng nhận tiền dư trong tài khoản của người bảo trợ tài chính.	1	
11. Đơn giải trình quá trình hình thành tài sản trong vòng 1 năm gần nhất (Hoặc bản photo thông tin giao dịch ngân hàng trong vòng 1 năm gần nhất)		
12. Giấy chứng nhận mối quan hệ giữa người nộp đơn xin nhập học và người bảo trợ tài chính	1	

Hồ sơ xin nhập học

※Đối với các tài liệu không phải tiếng Nhật, hãy đính kèm bản dịch tiếng Nhật.
Trường hợp yêu cầu nhà trường dịch thuật thì sẽ phát sinh phí dịch thuật.

※Nếu chi phí du học được công ty hoặc đoàn thể chi trả thì hãy thảo luận với văn phòng nhà trường.

※Đối với các tài liệu cần điền thông tin thì bản thân người nộp đơn hoặc người bảo lãnh tài chính
hãy tự viết tay hoặc nhập bằng máy vi tính và ký tên.

※Những trường hợp nhập học bậc tiểu học khi chưa đủ tuổi hoặc quá độ tuổi quy định của nước
sở tại thì hãy kèm theo giấy giải thích lý do cho việc này.

Phương pháp xin nhập học

- (1) Hồ sơ xin nhập học hãy bỏ vào phong bì và gửi bằng đường bưu điện.
- (2) Nếu có điểm chưa hoàn thiện thì hồ sơ có thể sẽ không được thụ lý.
Trước khi nộp hồ sơ hãy xác nhận lại để tránh trường hợp ghi thiếu hoặc sai sót.
- (3) Trước khi gửi hồ sơ gốc hãy gửi bản copy bằng e-mail hoặc Fax để nhà trường xác nhận nội dung.
- (4) Hồ sơ xin nhập học và chi phí xét tuyển sẽ không được hoàn trả trong mọi trường hợp.

■Hạn cuối cùng xin nhập học

Khoá Xuân (Tháng 4): Đến cuối tháng 11 năm trước

Khoá Hè (Tháng 7): Đến cuối tháng 3

Khoá Thu (Tháng 10): Đến cuối tháng 5

Khoá Đông (Tháng 1): Đến cuối tháng 9

■Phương pháp xét tuyển

Xét tuyển hồ sơ dựa trên những điểm dưới đây.

- (1) Mục đích nhập học của bạn
- (2) Dự định sau khi tốt nghiệp.
- (3) Quá trình học tiếng Nhật trong nước của bạn.
- (4) Năng lực chi trả các chi phí như học phí và phí sinh hoạt trong thời gian du học.
(Thi tiếng Nhật và phỏng vấn sẽ được áp dụng với một số trường hợp)

Thủ tục nhập học • Học phí

■ Thủ tục nhập học

Người được cấp “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú” từ cục quản lý xuất nhập cảnh hãy nộp học phí cho đến ngày chỉ định.

Nếu không làm thủ tục trong kỳ hạn thì coi như đã hủy bỏ nhập học.

■ Học phí

Thời gian Chi tiết	Các khoá học						
	Các khóa học 1 năm	Khoá Đông II (1 năm 3 tháng)	Khoá Thu II (1 năm 6 tháng)	Khoá Hè II (1 năm 9 tháng)	Khoá Xuân II (2 năm)	Khóa cấp tốc Xuân - Thu I (1 năm)	Khóa cấp tốc Xuân - Thu II (2 năm)
Chi phí xét tuyển	30,000 yên	30,000 yên	30,000 yên	30,000 yên	30,000 yên	30,000 yên	30,000 yên
Tiền nhập học	60,000 yên	60,000 yên	60,000 yên	60,000 yên	60,000 yên	60,000 yên	60,000 yên
Học phí	590,000 yên	738,000 yên	885,000 yên	1,033,000 yên	1.180,000 yên	940,000 yên	1,880,000 yên
Phí thiết bị	100,000 yên	125,000 yên	150,000 yên	175,000 yên	200,000 yên	100,000 yên	20,000 yên
Tiền tài liệu giảng dạy	45,000 yên	56,250 yên	67,500 yên	78,750 yên	90,000 yên	45,000 yên	90,000 yên
Tổng cộng	825,000 yên	1,009,250 yên	1,192,500 yên	1,376,750 yên	1,560,000 yên	1,175,000 yên	2,260,000 yên

※Ngoài những điều trên, học sinh phải đóng tiền bảo hiểm sức khoẻ Quốc dân và tiền bảo hiểm tai nạn của chế độ trường Nhật ngữ. Đây là chế độ mà khi đi bệnh viện sẽ được hoàn lại số tiền 30% đã trả trước, có nghĩa là khi bị thương hay bị bệnh trong trường hoặc trên đường đi học, về nhà thì toàn bộ số tiền điều trị bệnh viện sẽ được hoàn trả.

※Trong tất cả các khoá học đều có: HỌC THI ĐẠI HỌC, HỌC THI NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT, HỌC THI DU HỌC TẠI NHẬT BẢN.

※Tiền tài liệu giảng dạy là tiền sách giáo khoa và các chi phí như tài liệu chiếu ảnh CD, video v.v.. và các tài liệu sử dụng trong giờ học.

※Tiền học phí sẽ không được hoàn trả trong mọi trường hợp.

Về mọi chi tiết xin vui lòng liên lạc với nhà trường.

Giờ học · Ngày nghỉ

■Ngày, giờ học

Thứ hai ~Thứ sáu

9:00 ~12:30 (Lớp buổi sáng)

13:00 ~16:30 (Lớp buổi chiều)

■Ngày nghỉ

Thứ bảy · Chủ Nhật · Ngày lễ Nhật Bản

Kỳ nghỉ Xuân	4 tuần	Cuối tháng 3 ~ đầu tháng 4
Kỳ nghỉ Hè	3 tuần	Tháng 8
Kỳ nghỉ Thu	2 tuần	Cuối tháng 9 ~ đầu tháng 10
Kỳ nghỉ Đông	2 tuần	Cuối tháng 12 ~ đầu tháng 1

※ Ngày nghỉ có thể chênh lệch trước sau vài ngày.

※ Giờ học cơ bản được quy định như trên, tuy nhiên, Hiệu trưởng có thể đưa ra quyết định học trong ngày nghỉ nếu cần thiết.